

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ AN PHONG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ AN PHONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AN PHONG SERVICES AND CONSTRUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108136969

3. Ngày thành lập: 17/01/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 216 Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Trung Trực, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị âm thanh, ánh sáng (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	7729
2.	In ấn	1811
3.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
4.	Sao chép bản ghi các loại	1820
5.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh./.	8299
6.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết : Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài);	7810
7.	Đại lý du lịch	7911
8.	Điều hành tua du lịch	7912
9.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
10.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất biển quảng cáo, pano, áp phích	3290
11.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
12.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện	4649

13.	Xây dựng nhà các loại	4100
14.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
15.	Xây dựng công trình công ích	4220
16.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình công nghiệp - Xây dựng công trình cửa - Xây dựng đường hầm; - Xây dựng Các công trình thể thao ngoài trời.	4290
17.	Phá dỡ	4311
18.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
19.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
20.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
21.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng	4329
22.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330(Chính)
23.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên dụng trong một bộ phận thông thường khác nhau về thể loại cấu trúc, yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị dùng riêng - Các công việc dưới bề mặt	4390
24.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: ☐ Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến ☐ Bán buôn xi măng ☐ Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi ☐ Bán buôn kính xây dựng ☐ Bán buôn sơn, vécni ☐ Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh ☐ Bán buôn đồ ngũ kim ☐ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

25.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: ☐ Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh ☐ Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh ☐ Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh ☐ Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh ☐ Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh ☐ Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
26.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính)	7020
27.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);	6619
28.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
29.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động phiên dịch	7490
30.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại	8559
31.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
32.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
33.	Hoạt động hậu kỳ	5912
34.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế xây dựng công trình (Điều 48 NĐ 59/2015/NĐ-CP) - Giám sát thi công xây dựng (Điều 49 NĐ 59/2015/NĐ-CP) - Định giá xây dựng (Điều 52 NĐ 59/2015/NĐ-CP)	7110
35.	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá);	7310
36.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
37.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Thiết kế thời trang - Hoạt động trang trí nội thất	7410
38.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
39.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610

40.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	4610
41.	Bán buôn tổng hợp	4690
42.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ Đấu giá)	4791
43.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác Chi tiết ; - Sản xuất gỗ dán, bìa giấy đủ mỏng để sử dụng dán hoặc làm gỗ dán hoặc sử dụng cho các mục đích khác - Sản xuất gỗ lạng, ván mỏng và các loại ván, tấm mỏng bằng gỗ tương tự, - Sản xuất gỗ mảnh hoặc gỗ thớ, - Sản xuất gỗ ván ghép và vật liệu dùng để cách nhiệt bằng thủy tinh, - Sản xuất gỗ dán mỏng, gỗ trang trí ván mỏng.	1621
44.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
45.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
46.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
47.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
48.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
49.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
50.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đèn và bộ đèn - Bán lẻ thiết bị chiếu sáng sân khấu - Bán lẻ thiết bị chiếu sáng trang trí	4742

6. Vốn điều lệ: 9.500.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN CHÍ LINH	Đội 17, Xã Tịnh Sơn, Huyện Sơn Tịnh, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam	2.850.000.000	30,000	212058050	

2	NGUYỄN HÙNG VĨ	Đội 17, Xã Tịnh Sơn, Huyện Sơn Tịnh, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam	6.650.000.000	70,000	212721841	
---	-------------------	---	---------------	--------	-----------	--

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN HÙNG VĨ

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *01/01/1988*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *212721841*

Ngày cấp: *21/04/2003*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Quảng Ngãi*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Đội 17, Xã Tịnh Sơn, Huyện Sơn Tịnh, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Đội 17, Xã Tịnh Sơn, Huyện Sơn Tịnh, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội